

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS-PT
Ngày 07 - 01 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Danh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Thành;

Ông Vũ Văn Mạnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Bích Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:
Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 128/2020/HS-PT ngày 30 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo Nguyễn Thị D và Dương Thị H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 142/2020/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị D, sinh ngày 24 tháng 10 năm 1987 tại huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; Hộ khẩu thường trú: Tổ 6, phường D, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Khu 9, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Dương Thị L; có chồng là Lương Thanh T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; hiện tại ngoại, “có mặt”.

2. Dương Thị H, sinh ngày 17 tháng 3 năm 1986 tại phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Khu 6, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn T và bà Nguyễn Thị L; có chồng là Đỗ Minh T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; hiện tại ngoại, “có mặt”.

Trong vụ án còn có bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Anh D, Dương Thị H và Nguyễn Thị D đều là công nhân Công ty Cổ phần giày V có địa chỉ tại phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Lợi dụng sơ hở trong công tác quản lý tài sản của Công ty nên D1 đã rủ D và H trộm cắp giày thành phẩm của Công ty đem ra bên ngoài chia nhau. Cả D và H đều đồng ý. D1 đã bàn bạc, thống nhất với D và H là khi nào D1 trộm cắp được giày sẽ chuyển sang cho D cất giấu ở tủ để hàng của tổ nơi D làm việc. Sau đó, D sẽ cất giày vào túi nilon màu đen rồi đưa cho H mang ra bên ngoài công ty. Vì H là công nhân của tổ may vì tính phân xưởng may, ngoài ra H còn làm thêm dịch vụ bán hàng online, thỉnh thoảng có mang hàng vào công ty bán cho mọi người nên H sẽ lợi dụng lúc tan ca đông công nhân, cất giày trộm cắp được vào trong áo mưa và cho vào cốp xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu vàng, biển kiểm soát 88F1- 054.40 của H để chuyển ra bên ngoài công ty. Ngoài ra D1, D và H còn thống nhất với nhau mỗi lần chỉ chuyển 01 đến 02 đôi giày, chứ không chuyển cùng một lúc nhiều đôi để tránh sự phát hiện của bảo vệ công ty. Với phương thức, thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian tháng 02/2020 D1, D và H đã trộm cắp được tổng cộng 09 đôi giày nhãn hiệu On Running các loại rồi đem ra ngoài công ty chia nhau. Khi nhận được giày do D1 trộm cắp được chuyển sang, D cất vào tủ để đồ của tổ cao tần B1 và bảo chị Nguyễn Thị Phương là công nhân dưới quyền quản lý của D cất những đôi giày đó vào túi nilon màu đen rồi để trở lại vào vị trí cũ. Chị Phương làm theo sự phân công của D và nghĩ rằng đó là việc thực hiện nhiệm vụ bình thường của Công ty nên không có nghi ngờ gì.

Sau khi trộm cắp được 09 đôi giày như trên, Nguyễn Anh D1, Nguyễn Thị D và Dương Thị H chia nhau mỗi người được 03 đôi. D1 khai nhận đã bán 03 đôi giày cho một nam thanh niên không quen biết với giá 500.000 đồng/đôi, tổng cộng D1 bán 03 đôi giày được số tiền 1.500.000 đồng. Nguyễn Thị D khai nhận đã cho ông Nguyễn Văn Hạnh là bố đẻ của D 02 đôi giày để sử dụng, còn lại 01 đôi giày D không sử dụng nên đã vứt đi. Dương Thị H khai nhận cho ông Dương Văn Thuận là bố đẻ của H, anh Đỗ Minh Thắng là chồng của H và cháu Đỗ Hoàng Hải Dương là con trai của H, mỗi người 01 đôi giày để sử dụng. Khi được D và H tặng cho giày ông Hạnh, ông Thuận, anh Thắng và cháu Dương đều không biết đó là những đôi giày do trộm cắp mà có. Cơ quan điều tra đã thu giữ được 05 đôi giày đã qua sử dụng của D và H.

Đầu tháng 4 năm 2020, Nguyễn Anh D1, Nguyễn Thị D và Dương Thị H lại bàn bạc, thống nhất với nhau tiếp tục trộm cắp giày của Công ty theo phương thức và thủ đoạn như đã nêu trên. Ngày 10/4/2020, D1 trộm cắp được 03 đôi giày thành phẩm gồm 01 đôi màu xanh cỡ 42,5 mã 20ON01, 01 đôi màu xanh tím cỡ 42 mã 19ON01 và 01 đôi giày màu xám trắng cỡ 41 mã 19ON02 rồi chuyển cho

D cất giấu để chuyển cho H đem ra bên ngoài Công ty. Ngoài ra, có 01 đôi giày mã 19ON02 size 47,5 D không biết ai để vào tủ, 01 đôi giày mã 19ON01 size 42, 01 chiếc giày mã 18ON05 size 39 là giày của xưởng D sửa bị báo lỗi nên D có sang đây chuyển B và đây chuyển C lấy về để sửa. Tuy nhiên, sau khi sửa xong D không trả lại hàng cho tổ thành phẩm theo quy định của công ty mà bảo chị Nguyễn Thị Phương cất 2,5 đôi giày trên cùng 3 đôi giày D1 mới trộm cắp được chuyển sang vào các túi nilon màu đen loại túi chứa phụ kiện làm giày của công ty, đợi thời cơ thuận lợi sẽ chuyển cho H để H chuyển ra bên ngoài theo cách mà các đối tượng đã thống nhất với nhau từ trước đó. Khi cho giày vào túi như trên chị Phương không biết đó là những đôi giày do D và đồng phạm trộm cắp.

Tại Kết luận định giá số 56 ngày 29/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 đôi giày thể thao nam nữ thương hiệu On Running trị giá 650.000 đồng, 01 chiếc giày thể thao nhãn hiệu On Running trị giá 325.000 đồng, 09 đôi giày định giá trên hồ sơ trị giá 5.850.000 đồng; 5,5 đôi giày thu giữ được trị giá: 3.575.000 đồng, tổng trị giá 14,5 đôi giày là 9.425.000 đồng (Chín triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Với hành vi nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 142/2020/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị D và Dương Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh D1 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 08 (Tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án và xử phạt bị cáo Dương Thị H 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử lý vật chứng, quyết định án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vào các ngày 02 và 05 tháng 10 năm 2020, bị cáo Dương Thị và bị cáo Nguyễn Thị D kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giữ quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị D và Dương Thị H, sửa Bản án sơ thẩm số 142/2019/HS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố V, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 08 (Tám) tháng tù và bị cáo Dương Thị H 07 (Bảy) tháng tù

về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị D và Dương Thị H đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Thị D và Dương Thị H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng đã thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận: Lợi dụng sơ hở trong công tác quản lý tài sản của Công ty cổ phần Giấy Vĩnh Yên nên trong khoảng tháng 02 đến hết tháng 3 năm 2020, Nguyễn Anh D1, Nguyễn Thị D và Dương Thị H đã lén lút trộm cắp tổng số 09 đôi giấy thành phẩm các loại, có tổng trị giá là 5.850.000 đồng. Đến đầu tháng 4 năm 2020 D1, D và H lại tiếp tục bàn bạc và thực hiện hành vi trộm cắp 5,5 đôi giấy thành phẩm các loại. Tuy nhiên, các đối tượng chưa kịp đem giấy ra bên ngoài để tiêu thụ thì bị phát hiện. Qua định giá xác định 5,5 đôi giấy trên có tổng trị giá là 3.575.000 đồng. Như vậy, các bị cáo đã trộm cắp được 14,5 đôi giấy có tổng trị giá là 9.425.000 đồng (Chín triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

[4] Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 08 (Tám) tháng tù và bị cáo Dương Thị H 07 (Bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội không oan sai.

[5] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Thị D và Dương Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 08 (Tám) tháng tù và bị cáo Dương Thị H 07 (Bảy) tháng tù là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong vụ án này các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, hành

vì phạm tội của các bị cáo chỉ mang tính bột phát nhất thời. Gia đình các bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, các bị cáo đang nuôi con nhỏ và hiện nay cả hai bị cáo đều đang mang thai, đây là các tình tiết giảm nhẹ mới tại phiên tòa phúc thẩm mà các bị cáo được hưởng. Kể từ khi bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay các bị cáo luôn chấp hành đầy đủ, nghiêm túc các quy định của pháp luật và địa phương; trước khi phạm tội các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ đáng được khoan hồng và các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng. Thấy rằng, các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trên địa bàn. Vì vậy, không cần thiết bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam mà cho các bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát, giáo dục như đề nghị của Viện kiểm sát là đủ tác dụng để răn đe, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện giúp các bị cáo có cơ hội tự cải tạo, sửa chữa sai lầm và tiếp tục làm việc để cống hiến cho xã hội. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị D và Dương Thị H; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 142/2020/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên về biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị D và Dương Thị H.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị D và Dương Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 08 (Tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Dương Thị H 07 (Bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Thị D và Dương Thị H cho Ủy ban nhân dân phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị D và Dương Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND thành phố Vĩnh Yên;
- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS thành phố Vĩnh Yên;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ; Toà hình sự, HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Danh